TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 03/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và bà Phạm Thị Hồng Minh.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/8/2021 tại hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST - HS ngày 12/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST - HS, ngày 21/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn B**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Ngày, tháng, năm sinh: 10/8/1995. Nơi sinh: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông Phan Xuân T, sinh năm 1974. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con bà Lê Thị A, sinh năm 1973. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện cùng cư trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 02 tiền án.

- Ngày 24/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Đến ngày 09/02/2018 chấp hành xong hình phạt (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 15/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ (không xác định là tái phạm) xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tàn sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Đến ngày 10/7/2019 chấp hành xong hình phạt (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Có 02 tiền sự.

- Ngày 02/11/2016 bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Cố ý gây thương tích*" với số tiền 4.000.000 đồng, đến nay chưa chấp hành (Chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

- Ngày 09/10/2018 bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Xâm hại sức khỏe người khác"* với số tiền 2.500.000 đồng, đến nay chưa chấp hành (Chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 13/4/2021 đến 14/4/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ; tạm giam từ ngày 15/4/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Ngày, tháng, năm sinh: 20/02/1994. Nơi sinh: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1969. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Hiện cùng cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 02 tiền sự.

- Ngày 08/9/2020, bị Công an huyện Đức T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc" với số tiền 300.000 đồng, đến nay chưa chấp hành (Chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

- Ngày 24/9/2020, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Mua dâm" với số tiền 500.000 đồng, đến nay chưa chấp hành (Chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 13/4/2021 đến 14/4/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện; tạm giam từ ngày 15/4/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa, sức khỏe bình thường và tự bào chữa.

**** Bị hại:***

- Bà Trần Thị T, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1952; địa chỉ: Khối 11, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Lê Thị O, sinh năm: 1991; địa chỉ: Tổ dân phố T, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ dân phố T, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ dân phố T, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt

- Ông Đặng Đình Ư, sinh năm: 1955; địa chỉ: Thôn Thọ T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1957; địa chỉ: Tổ dân phố 4, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2021, Phan Văn B và Nguyễn Văn H đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh với tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt là 1.840.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 23/3/2021, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 38V1-4513 mượn của bà Nguyễn Thị H (mẹ của H), chở Phan Văn B đi từ thị trấn Đ đến xã Y chơi. Khi đi đến thôn T, xã Y, huyện Đ, B nhìn thấy quán tạp hóa "Thảo Đ" của bà Trần Thị T, nên bảo H dừng xe lại để mua thẻ nạp điện thoại. H đồng ý, dừng xe lại trước cửa quán tạp hóa, còn B đi vào trong quán, nói với bà T: *Bán cho cháu cái thẻ Viettel,* thì bà T đồng ý, mở tủ lấy ra một hộp kim loại bên trong có thẻ nạp điện thoại và hỏi: *Mua thẻ mấy tiền.* Lúc này, B nảy sinh ý định chiếm đoạt số thẻ nạp điện thoại nói trên, nên nói: *Để cháu hỏi mẹ đã,* và lấy điện thoại ra giả vờ bấm số gọi, rồi B tiếp tục nói với bà T: *Bán cho cháu hai nghìn kẹo mút.* Bà T để lại chiếc hộp đựng thẻ điện thoại phía trên tủ lạnh gần đó rồi quay người ra sau lấy kẹo. Lợi dụng lúc bà T sơ hở, B nhanh chóng giật lấy chiếc hộp đựng thẻ nạp điện thoại, chạy ra chỗ H đang đứng. Lúc này, H đứng ngoài quan sát, cảnh giới. Bà T hô to: *Cướp, Cướp!*. H liền nhanh chóng điều khiển xe mô tô chở B chạy theo hướng đê L về thị trấn Đ. Đi được một đoạn khoảng 02 km thì B lấy toàn bộ số thẻ nạp điện thoại cho vào túi quần rồi vứt hộp lại bên đường (không xác định được vị trí cụ thể). Khi đi đến khu vực nhà thờ N, thị trấn Đ, thấy đường vắng nên B bảo H dừng xe lại, lấy số thẻ nạp điện thoại vừa chiếm đoạt được ra kiểm tra, thấy có 12 thẻ nạp điện thoại, loại mệnh giá 20.000 đồng và 08 thẻ nạp điện thoại, loại mệnh giá 50.000 đồng (đều của nhà mạng Viettel). Sau đó, B và H mỗi người giữ lại một thẻ nạp điện thoại mệnh giá 20.000 đồng để sử dụng, rồi đi đến quán tạp hóa của chị Lê Thị O, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Đ mua bánh và nước hết 70.000 đồng nhưng không có tiền trả, nên B và H đã bán cho chị O 18 thẻ nạp điện thoại còn lại với giá 500.000 đồng, số tiền bán thẻ nạp điện thoại cả hai cùng nhau tiêu xài cá nhân hết 100.000 đồng, B giữ lại 300.000 đồng, đưa cho H 100.000 đồng.

Ngày 06/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ làm việc với Trung tâm Viettel huyện Đ. Trung tâm Viettel huyện Đ xác nhận số thẻ nạp điện thoại nói trên là do nhà mạng Viettel phát hành và còn nguyên giá trị sử dụng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo B và H chiếm đoạt trong ngày 23/3/2021 là 640.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 13/4/2021, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hado Siva, biển kiểm soát 38F2-4523 mượn của anh Nguyễn Văn T (anh họ của Nguyễn Văn H), đi đến nhà của Phan Văn B chơi. Quá trình nói chuyện, B nói: *Ta đi kiếm có gì lấy được bán lấy tiền tiêu*. H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô nói trên chở B đi theo đường đê La G xuống xã B, huyện Đ. Đến khoảng 12 giờ 55 phút cùng ngày, cả hai đi

đến khu vực cống B, thuộc địa phận thôn T, xã B, huyện Đ, thì thấy bà Nguyễn Thị T đang dắt xe đạp lên dốc, B liền nói H quay xe lại, áp sát xe bà T. Lúc này, B ngồi sau, dùng tay phải nhanh chóng giật lấy chiếc túi xách màu nâu đang để ở giỏ xe, rồi bảo H điều khiển xe nhanh chóng tẩu thoát về hướng thị trấn Đ. Trên đường đi, B kiểm tra trong túi xách thấy có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, nên lấy ra cất vào túi quần. Khi đến khu vực nghĩa trang thuộc địa phận tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ thì cả hai dừng xe, rồi đi bộ vào khu vực nghĩa trang, mở túi xách vừa cướp giật được tiếp tục kiểm tra, thì thấy trong túi có 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, rồi cất giấu chiếc túi xách trong khu vực nghĩa trang. Sau đó, B và H đi đến cửa hàng tạp hóa N, ở tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, dùng số tiền vừa chiếm đoạt được mua 02 gói thuốc lá T giá 20.000 đồng; 02 que kem giá 10.000 đồng và 01 thẻ điện thoại mệnh giá 20.000 đồng rồi đi về nhà. Lúc này, B lấy chiếc điện thoại nói trên đến cầm cố tại cửa hàng của anh Nguyễn Anh T, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, được 500.000 đồng. Số tiền cầm cố chiếc điện thoại, B và H mua ma túy sử dụng hết.

Đến 18 giờ, ngày 13/4/2021, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cũng như của B. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với B.

** Kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG-HĐĐGTS ngày 15/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận:*

- 01 túi xách màu đen, có quai đeo màu nâu, không rõ nhãn hiệu, kích thước (25x14) cm, trị giá: 50.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime, màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá: 1.100.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 1.150.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt trong ngày 13/4/2021 là 1.200.000 đồng.

** Vật chứng thu giữ:*

- 08 thẻ nạp điện thoại của nhà mạng Viettel, loại mệnh giá 50.000 đồng và 10 thẻ nạp điện thoại của nhà mạng Viettel, loại mệnh giá 20.000 đồng đã trả lại cho bị hại bà Trần Thị T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime, vỏ màu vàng và 01 túi xách màu đen, có quai đeo màu nâu, không có nhãn hiệu, kích thước (25x14) cm đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị T.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đỏ-đen, biển kiểm soát 38V1-4513 là của bà Nguyễn Thị H (mẹ của bị cáo H) và 01chiếc xe mô tô Hado Siva, sơn màu nâu, biển kiểm soát 38F2-4523 là của anh Nguyễn Văn T (anh họ của bị cáo H). Quá trình bị cáo H sử dụng các xe mô tô nói trên làm phương tiện phạm tội, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc xe mô tô nói trên cho bà Nguyễn Thi H và anh Nguyễn Văn T.

- Đối với 01 hộp kim loại đựng số thẻ cào điện thoại, các bị cáo đã vứt lại trên đường tẩu thoát, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được.

- Đối với 02 thẻ nạp điện thoại Viettel, loại mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, các bị cáo đã sử dụng, tiêu xài cá nhân hết, nên không thu giữ được.

- Đối với chiếc điện thoại di động bị cáo B giả vờ gọi điện cho mẹ hỏi về việc mua thẻ nạp điện thoại, bị cáo B đã làm mất, không xác định được vị trí cụ thể, nên không thu giữ được.

Qúa trình điều tra các bị cáo Phan Văn B, Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-ĐT ngày 09/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Phan Văn B và Nguyễn Văn H về tội "*Cướp giật tài sản*" theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn B, Nguyễn Văn H phạm tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và 57 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn B mức án từ 06 (Sáu) đến 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2021.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và 57 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 04 (Bốn) đến 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Truy thu sung công Nhà nước số tiền 660.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có (cụ thể: Bị cáo Phan Văn B số tiền 330.000 đồng, Nguyễn Văn H số tiền 330.000 đồng)

- *Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:* Buộc các bị cáo Phan Văn B và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, được nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt thấp nhất.

Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt một bị hại, một người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 23/3/2021 tại Thôn T, xã Y, huyện Đ và 12 giờ 55 phút ngày 13/4/2021 tại Thôn T, xã B, huyện Đ Phan Văn B và Nguyễn Văn H đã 02 lần lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.840.000 đồng. Trong đó: ngày 23/3/2021 chiếm đoạt của bà Trần Thị T 20 thẻ nạp điện thoại nhà mạng Viettel, trị giá 640.000 đồng; ngày 13/4/2021 sử dụng xe mô tô (là thủ đoạn nguy hiểm) chiếm đoạt của bà Nguyễn Thi T 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại di động và số tiền 50.000 đồng, tổng trị giá 1.200.000 đồng.

Thời điểm phạm tội các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng sở hở của chủ sở hữu, điều khiển xe mô tô nhanh chóng tiếp cận và công khai chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua việc giật lấy tài sản sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Các bị cáo hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, trong đó có một lần trực tiếp dùng mô tô tiếp cận bị hại để cướp giật tài sản gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại nên thuộc tình tiết "dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan, sai.

[3]. Tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, cần phải xử lý

tương xứng với mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo gây ra. Bị cáo B là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, được hưởng lợi số tiền 680.000 đồng nên giữ vai trò chính. Bị cáo H là người bị rủ rê, nhưng tích cực trong việc chuẩn bị phương tiện phạm tội, điều khiển xe mô tô chở B thực hiện hành vi phạm tội và được hưởng lợi số tiền 480.000 đồng nên đồng phạm trong vụ án này với vai trò người giúp sức.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: *Người phạm tội thành khẩn khai báo* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: *Đầu thú,* quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trước khi Tòa án mở phiên tòa bị cáo đã tác động mẹ đẻ bồi thường 500.000 đồng cho chị Lê Thị O nên bị cáo H còn được áp dụng thêm tình tiết *Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại* theo điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: *Phạm tội 02 lần trở lên*, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo B còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng: *Tái phạm,* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Bị cáo B đang có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, 02 tiền sự về hành vi "*Cố ý gây thương tích*" và hành vi *"Xâm hại sức khỏe người khác"* nay lại tiếp tục thực hiện tội phạm xâm phạm quyền sở hữu, bị cáo chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H đang có hai tiền sự về hành vi "Đánh bạc" và hành vi "Mua dâm", bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng và phạm tội nhiều lần, có nhân thân rất xấu nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*[6]. Về trách nhiệm dân sự:*Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu sung công Nhà nước số tiền 660.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có (cụ thể: Bị cáo Phan Văn B số tiền 330.000 đồng, Nguyễn Văn H số tiền 330.000 đồng)

[8]. Về xem xét trách nhiệm của người liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này, quá trình các bị cáo sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 38V1-4513 của bà Nguyễn Thị H và xe mô tô biển kiểm soát 38F2-4523 của anh Nguyễn Văn T để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bà H và anh T không biết, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với chị Lê Thị O đã mua lại 18 thẻ cào Viettel từ các bị cáo và anh Nguyễn Anh T người nhận cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, đều không biết các tài sản đó là do phạm tội mà có, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi mua ma túy về để sử dụng, theo lời khai của bị cáo đã sử dụng hết nên quá trình điều tra không thu giữ được ma túy, vì vậy không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo B và H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[9]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phan Văn B, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 171, Điểm s Khoản 1 (đối với Nguyễn Văn H căn cứ thêm Điểm b Khoản 1, Khoản 2) Điều 51, Điểm g Khoản 1 (Đối với bị cáo Phan Văn B căn cứ thêm Điểm h Khoản 1) Điều 52, Điều 17, Điều 57, Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106, Khoản 1, 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn B và Nguyễn Văn H phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 6 năm 6 tháng (Sáu năm sáu tháng) tù; thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 năm 06 tháng tù tháng (Bốn năm sáu tháng) tù; thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung công Nhà nước số tiền 660.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có (cụ thể: Bị cáo Phan Văn B số tiền 330.000 đồng, Nguyễn Văn H số tiền 330.000 đồng).

3. Về án phí: Xử buộc các bị cáo Phan Văn B, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/8/2021), bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQ CSĐT Công an huyện Đ;
- CQ THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đ;
- Bị cáo, Người liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Lê Việt Thắng